

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2017/HSST
Ngày 25 tháng 10 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Sâm và bà Lê Thị Lý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Nga - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2017/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: NBTr, sinh ngày 16/08/1990

Nơi cư trú: thôn NL, xã LH, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; bố đẻ: NTH, sinh năm 1954; mẹ đẻ: ĐTP, sinh năm 1954; vợ con: chưa có.

Tiền sự: không.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại bản án số 04/2015/HSST ngày 02/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 03 năm tù về hai tội là “ Trộm cắp tài sản” và “ Cường đoạt tài sản”. Ngày 11/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/8/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh phúc, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Bà HTT, sinh năm 1950, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn NL, xã LH, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông NTH, sinh năm 1954, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn NL, xã LH, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY

Bị cáo NBTr bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15h00 phút ngày 07/8/2017, NBTr một mình đi xe đạp quanh xã LH xem nhà ai sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà bà HTT, sinh năm 1950 ở thôn NL, quan sát thấy cửa cổng đóng nhưng không khoá, không có người trông giữ nên Tr nảy sinh ý định đột nhập vào trộm cắp Gà đem bán lấy tiền tiêu sài. Tr mở cổng, dắt xe đạp vào dựng ở sân rồi đi đến khu vực chuồng chăn nuôi của gia đình bà T. Thấy trong bu nhốt 02 con Gà ta lông màu vàng, 01 con Gà trống, 01 con Gà mái, mỗi con nặng khoảng 2kg, Tr nhặt 01 bao tải xác rắn màu trắng bên cạnh bu Gà rồi bắt 02 con Gà trên đúc vào bao tải rồi đi ra xe, buộc bao tải Gà ở ghi đông xe đạp rồi đi lên chợ M, thị trấn HS bán cho một người phụ nữ không quen biết với giá 200.000đ. Số tiền trên, Tr đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi nhận được trình báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã tiến hành khám nghiệm hiện trường với đầy đủ thành phần và ra thông báo truy tìm vật chứng theo quy định.

Căn cứ Quyết định trưng cầu định giá số 151 ngày 15/8/2017 của Cơ quan điều tra, ngày 15/8/2017 Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện N có Văn bản số: 124/KL-HĐĐG kết luận: *Hai con gà ta, một con gà trống, một con gà mái lông màu vàng, mỗi con nặng khoảng 2kg được định giá là 100.000 đ/kg. Tổng số tiền được định giá là 400.000 đ (Bốn trăm nghìn đồng).*

Đối với 02 con gà, 01 bao tải xác rắn màu trắng đã cũ, Tr trộm cắp của gia đình bà T, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng không thu giữ được. Bà T khai 02 con gà có trọng lượng khoảng 04kg, trị giá khoảng 400.000đ. Bà T yêu cầu Tr phải bồi thường số tiền trên.

Đối với người phụ nữ khoảng 35 đến 40 tuổi, tóc cắt ngang vai, gầy đen và cao khoảng 1,6m đã mua 02 con gà của Tr, do bị can không biết tên, tuổi, địa chỉ người phụ nữ ở đâu nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để triệu tập và không đề cập xử lý.

Chiếc xe nữ màu sơn xanh, có gác ba ga, phía trước có giỏ xe, quá trình điều tra xác định là tài sản riêng hợp pháp của ông NTH, sinh năm 1954 (bỏ để bị cáo Tr). Ông H không biết việc Tr tự ý lấy đi làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ.

Cáo trạng số: 58/KSĐT-KT ngày 03 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố NBTr về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội đối với bị cáo Tr, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo luật định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo NBTr khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận đã trộm cắp tài sản như nội dung bản cáo trạng đã nêu và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật chứng đã thu hồi được, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo NBTr phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng..... đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự mất cảnh giác của người dân để trộm cắp tài sản phục vụ cho nhu cầu ích kỷ của bản thân. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đây là các tình tiết được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị kết án và xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt nên cần phạt bị cáo một mức án tù nhất định, có như vậy mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Tại Khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định: “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đến năm mươi triệu đồng”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo Tr thấy rằng: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản có giá trị vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo NBTr đã chấp nhận việc bồi thường thiệt hại số tiền là 400.000đ cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với chiếc xe đạp Tr dùng để đi trộm cắp, quá trình điều tra xác định xe đạp là tài sản hợp pháp của ông NTH, ông H không biết Tr sử dụng xe đạp để đi trộm cắp nên cơ quan điều tra không thu giữ là phù hợp.

Đối với người phụ nữ khoảng 35 đến 40 tuổi, tóc cắt ngang vai, gầy đen và cao khoảng 1,6m đã mua 02 con gà của Tr, do bị can không biết tên, tuổi, địa chỉ người phụ nữ ở đâu nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để triệu tập và không đề cập xử lý, cơ quan điều tra cần tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định.

Về án phí: Bị cáo NBTr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo NBTr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự. Điều 76, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử phạt: NBTr 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/8/2017.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Buộc bị cáo NBTr phải bồi thường, trả cho bà HTT số tiền 400.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và bà T có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo Tr không trả đủ khoản tiền 400.000đ nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Bị cáo NBTr phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết công khai tại UBND xã (thị trấn) nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND N
- THA N
- Công an N
- Trại tạm giam
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc
- UBND xã LH
- Bị cáo+ Bị hại
- NCQLNVLQ
- Lưu HS+Vp

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công